

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP.HCM., ngày 30 tháng 9 năm 2026
TP.HCM, day 30 month 9 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: _____

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- *The State Securities Commission;*
- *The Stock Exchange.*

1/ Họ và tên / *Full name*: **LÂM HOÀI PHƯƠNG**

2/ Giới tính/ *Gender*: Nam/Male ☒ Nữ/Female ☐

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 13/10/1982

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/ *Date of issue*: Nơi cấp/ *Place of issue*:

6/ Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam / Viet Nam

7/ Dân tộc/ *Ethnic*: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/ *Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/ *Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/ *Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organization's name subject to information disclosure rules*: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM / HO CHI MINH CITY PUBLIC LIGHTING JOINT STOCK COMPANY**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: **Phó Tổng Giám đốc/Deputy General Director**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*:
Không có / *None*

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning 0 shares, accounting for 0% of charter capital, of which*:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/Cổ đông chiến lược/Tổ chức khác) sở hữu: 0 cổ phần /*Owning on behalf of (the State/ Strategic investor/Other organisation)*: 0 shares

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần / *Owning by Individual*: 0 shares

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*: Không / *None*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK <i>Securities symbol</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading accounts (if available)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if available)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the company/ internal person</i>	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address / Head office address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of shares owned at the end of the period</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ <i>Time the person became an affiliated person/ internal person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ <i>Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person</i>	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) <i>Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)</i>	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) <i>Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	CHS	Lâm Hoài Phuong / <i>Lam Hoai Phuong</i>		Phó Tổng Giám đốc / <i>Deputy General Director</i>	Người nội bộ / <i>internal person</i>						0	0	01/10/2026		Bổ nhiệm (Appointed)	
1	CHS	Lâm Sơn / <i>Lam Son</i>			Bố đẻ <i>Biological father</i>						0	0	01/10/2026			
2	CHS	Trương Thị Hoàng / <i>Truong Thi Hoang</i>			Mẹ đẻ <i>Biological mother</i>											Đã mất <i>Pass away</i>
3	CHS	Y Sel Eban / Y <i>Sel Eban</i>			Bố vợ <i>Father-in-law</i>						0	0	01/10/2026			

Stt No.	Mã CK <i>Securities symbol</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading accounts (if available)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if available)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the company/ internal person</i>	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address / Head office address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of shares owned at the end of the period</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ <i>Time the person became an affiliated person/ internal person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ <i>Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person</i>	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) <i>Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)</i>	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) <i>Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4	CHS	H Yum Niê / H Yum Nie			Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>						0	0	01/10/2026			
5	CHS	H Sina Niê / H Sina Nie			Vợ <i>Wife</i>						0	0	01/10/2026			
6	CHS	Lâm Huy Khánh Niê / Lam Huy Khanh Nie			Con trai <i>Son</i>						0	0	01/10/2026			
7	CHS	Lâm Huy Khang Niê / Lam Huy Khang Nie			Con trai <i>Son</i>						0	0	01/10/2026			

Stt No.	Mã CK <i>Securities symbol</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading accounts (if available)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if available)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the company/ internal person</i>	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address / Head office address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of shares owned at the end of the period</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ <i>Time the person became an affiliated person/ internal person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ <i>Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person</i>	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) <i>Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)</i>	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) <i>Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
8	CHS	Lâm Thị Phượng / <i>Lam Thi Phuong</i>			Chị ruột <i>Older biological sister</i>						0	0	01/10/2026			
9	CHS	Võ Văn Quang / <i>Vo Van Quang</i>			Anh rể <i>Older brother- in-law</i>						0	0	01/10/2026			
10	CHS	Lâm Hải / <i>Lam Hai</i>			Anh ruột <i>Older biological brother</i>						0	0	01/10/2026			
11	CHS	Nguyễn Thị Hồng Nhưng / <i>Nguyen Thi Hong Nhưng</i>			Chị dâu <i>Older sister-in- law</i>						0	0	01/10/2026			

Stt No.	Mã CK <i>Securities symbol</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading accounts (if available)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if available)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the company/ internal person</i>	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address / Head office address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of shares owned at the end of the period</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ <i>Time the person became an affiliated person/ internal person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ <i>Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person</i>	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) <i>Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)</i>	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) <i>Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	CHS	Lâm Phương Anh / Lam Phuong Anh			Em ruột <i>Younger biological sibling</i>						0	0	01/10/2026			
13	CHS	Lê Thị Hồng Thu / Le Thi Hong Thu			Em dâu <i>Sister-in-law</i>						0	0	01/10/2026			
14	CHS	Lâm Thị Loan / Lam Thi Loan			Em ruột <i>Younger biological sibling</i>						0	0	01/10/2026			

